



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS IN VIETNAM

NAMES	SIGNATURES
106 HOA Nguyen (714) 373-2445	<u>HOA Nguyen</u>
107 NGUYỄN THỜI TIẾN (714) 836-5036	<u>Tim Nguyen</u>
108 Hoàng gia Tuấn	<u>Hoàng gia Tuấn</u>
109 THAI-VAN-HOA (714) 288-9496	<u>THAI-VAN-HOA</u>
110 HUANG DUC BICH (310) 978-1960	<u>HUANG DUC BICH</u>
111 TRAN VAN CHAU (714) 537-0123	<u>TRAN VAN CHAU</u>
112 TH MINH TỬ (714) 890 3971	<u>TH MINH TỬ</u>
113 Nguyễn Văn Cáp (714) 930 9828	<u>Van C</u>
114 NGUYỄN NGỌC THAI 892 9416	<u>Van C</u>
115 Vũ diễm lệ (714) 538 0921	<u>Van C</u>
116 Vũ Đình Khang (714) 229 8174	<u>Van C</u>
117 Đinh Văn Hiến (714) 265-2819	<u>Van C</u>
118 Phạm Khánh Ngọc (714) 537-2854	<u>Van C</u>
119 Nguyễn Văn Khoa (714) 939-0787	<u>Nguyen Van Khoa</u>
120 Trần Đức Long (310) 973-7582	<u>Long Tran</u>
121. HUAN HOANG (636)-1645	<u>Huan Hoang</u>
122 DUONG QUAN GPHUONG (714) 534 3813	<u>Duong Quan GPHUONG</u>
123 PHI VAN SON 714 740 0941	<u>Son</u>
124 NGUYEN HA 740 2920	<u>Kuanh</u>
125 TRẦN VĂN VINH (714) 534-6499	<u>Van Vinh</u>
126 TRẦN CÔNG LUYEN (714) 537 9487	<u>Luyen</u>
127 DUONG VHOANG (714) 893-4444	<u>Duong VHOANG</u>
128 HANH CONG THANH (714) 662 3728	<u>Thanh</u>



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES	SIGNATURES
106 HOA Nguyen (714) 273-2445	<i>HOA Nguyen</i>
107 NGUYỄN THỜI TÍN (714) 836-5036	<i>Thi Tin</i>
108 HOANG GIA THU	<i>Thi</i>
109 THAI VAN HOA (714) 288-9496	<i>Thi</i>
110 HUANG DUC BICH (310) 978-1960	<i>Bich</i>
111 TRAN VAN CHAU (714) 537-0123	<i>Chau</i>
112 TA MINH TU (714) 890 3971	<i>Tu</i>
113 NGUYỄN VĂN CÁP (714) 930 9828	<i>Van Cap</i>
114 NGUYỄN NGỌC THAI 892 9416	<i>Thai</i>
115 VU DUNG LING (714) 527 0921	<i>Ling</i>
116 VU DINH KHANG (714) 227 8170	<i>Khong</i>
117 DINH VĂN HIEN (714) 265-2819	<i>Hiem</i>
118 PHAM KHANH NGU (714) 537-2854	<i>Khong</i>
119 NGUYỄN VĂN KHUAM (714) 939-0787	<i>Khuam</i>
120 TRAN THUC LONG (310) 973-7582	<i>Long Tran</i>
121 HUAN HOANG (636) 1645	<i>Huan</i>
122 DUONG QUAN PHUONG (714) 534 3813	<i>Phuong</i>
123 PHI VAN SON 714 740 0941	<i>Son</i>
124 NGUYEN HA 740 2920	<i>Ha</i>
125 TRẦN VĂN VINH (714) 534-6499	<i>Vinh</i>
126 TRẦN CÔNG LUYEN (714) 537 9487	<i>Luyen</i>
127 DUONG V HONG (714) 893-4444	<i>Hong</i>
128 HANG CONG THUAN (714) 662 3728	<i>Thuan</i>



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES

SIGNATURES

129 NGUYEN LUU (714) 662-3728	<i>Lu Lu</i>
130 HIEU HUYNH (714) 991 6957	<i>Hieu</i>
131 QUANG DINH (310) 329-5526	<i>TD</i>
132 HO-DINH HAO (714) 373-1861	<i>Hao</i>
133. MAI, MANH TUAN (818) 2848804	<i>Manh</i>
134. Toan Lo (714) 897-5226	<i>Toan</i>
135 PHAM THAI BINH (213) 413 5255	<i>Binh</i>
136. LO, MY (714) 636-8708	<i>My</i>
137 PHAM ANH HUONG	{ (714) 534-5242
138 PHAM ANH MINH	
139 NG ^o Hai Nhan (714) 373-5385	<i>Nhan</i>
140 NG ^o Bao (714) 698-5953	<i>Bao</i>
141 Bui Hoa (714) 670-6316	<i>Hoa</i>
142 TRAN NGOC MINH (818) 281-0164	<i>Minh</i>
143 THIEN HUYNH (714) 775-4856	<i>Thien</i>
144 HOANG G NGUYEN (714) 839-5791	<i>Hoang</i>
145 THI NGO VAN (714) 890 2716	<i>Thi</i>
146 HUANG TRAN KHAI (714) 824-2211	<i>Huang</i>
147 NGUYEN VAN YEN (714) 539-6977	<i>Yen</i>
148 NG ^o Quang (-) 495-4859	<i>Quang</i>
149 Luong Thanh Hoi (-)	
150 Lam, So Tung (714) 265-9170	<i>Lam</i>



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES

SIGNATURES

151	Luong Minh Dong (714) 831-2648	Luong Minh Dong
152	TRINH DUONG LAM (310) 428-6406	Trinh Duong Lam
153	Trần Khắc Hiếu (714) 545-5614	Tran Hieu
154	DO HUU DAI (214) 679-8955	Do Huu Dai
155	Trần Văn (714) 568-0558	Tran Van
156	CHIEU LUAT (714) 537-5203	Chieu Luat
157	+ Hieu NGUYEN (714) 638-4848	Hieu Nguyen
158	NGUYEN HAI (714) 636-1066	Nguyen Hai
159	TRINH NGOC DOAN (714) 540-6338	Trinh Ngoc Doan
160	NGUYEN KHUAT HUNG (714) 839-0815	Nguyen Khuat Hung
161	NGUYEN MINH (714) 847-8614	Nguyen Minh
167	LE THANH THUONG 636-8461	Le Thanh Thuong
168	NGOIN THANH DOAN (214) 595-1435	Ngoin Thanh Doan
169	SON HUNG XU (214) 740-1881	Son Hung Xu
170	QUYNH NGUYEN (714) 748-0406	Quynh Nguyen
171	PHAM DUC THUAN (714) 527-7042	Pham Duc Thuan
172	Võ Đình Chung (714) 562-1572	Võ Đình Chung
173	TRAN-KHAI HOANG (714) 964-4928	Tran-Khai Hoang
174	TRUONG TAN HUU (213) 626-0877	Truong Tan HUU
175	Li Đình Diem (818) 288-6799	Li Đình Diem
176	VU THANH LUONG (714) 373-0542	Vu Thanh Luong
177	VU QUAC THUE (714) 832-1609	Vu Quac Thue



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES

SIGNATURES

200	LÊ HỮU CHAI	(714) 836 3281	California
201	NG. V. PHU	(714) 531 2539	Phu
202	PHU V. TU	(818) 572-3077	Phu
203	Phu Chi Linh	(814) 775 7898	Phu
204	THANH TRAN	(714) 527-4126	Thanh
205	+ SON NGUYEN	(714) 537-1632	Son
206	HONG TRAN	(714) 527-4126	Hong
207	TRINH CUONG	(714) 839-4634	Trinh
208	THI NGO	310 984 0340	Thi
209	Toan MAT	714 895 7066	Toan
210	THUAT LHI	714 530-4202	Thuat
211	THIEN NGUYEN	(714) 527 9057	Thien
212	VAN VU	(714) 776 810	Vu
213	Nguyen Van Duy Ninh	(714) 537-6868	Ninh
214	Trang - My	(714) 892-5856	Trang
215	Phan Chau Hong	(818) 772-2072	Phan
216	Hong bin	(818) 768-7160	Hong
217	Nguyen XUAN Hien	(714) 530 5676	Hien
218	DUAN VAN LIEN	(714) 554 8275	Duan
219	Huythanh HANH	(714) 530-4262	Hanh
220	Võ Anh Hân	(714) 531 0152	Hân
221	Võ Thanh Truong	(818) 288-6270	Truong



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES

SIGNATURES

NAMES	SIGNATURES
222 TUAN HOANG (714) 531-1884	Tuan
223 KIM ANH (714) 531-1884	Kim
224 LY LOU (714) 534-0886	Ly Lou
225 Bui Trang (714) 530-5458	Bui Trang
226 LE VINH (714) 890-0674	Le Vinh
227 + Huynh Binh (714) 892-0677	Huynh Binh
228 VO CONG MINH (714) 897-2697	Vo Cong Minh
229 Bui Quang Long (714) 530-9420	Bui Quang Long
230 HOANG CH THO (714) 538-479	Hoang Ch Tho
231 NGUYEN CONG HAU (714) 750-7220	Nguyen Cong Hau
231 NGUYEN CONG UAN (714) 891-8493	Nguyen Cong Uan
232 LA VAN SANG (714) 533-9027	La Van Sang
333 Doan Hoa Dinh (818) 912-3846	Doan Hoa Dinh
234 VO THINH (310) 434-1243	Vo Thinh
235 DO VAN BAY (714) 457-0299	Do Van Bay
236 NGUYEN THU HUYNH (714) 531-4849	Nguyen Thu Huynh
237 TUYEN ANH (310) 423-1044	Tuyen Anh
238 VAH - HAO (714) 282-2895	Vah - Hao
239 DO HUU DM (310) 679-8957	Do HUU DM
240 VO VAN SAC (714) 537-8711	Vo Van Sac
241 LE HOANG (714) 636-6069	Le Hoang



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES

SIGNATURES

NAMES	SIGNATURES
178 TÔ ANH TUẤN	
179 VƯƠNG-THỊ-LE (714) 539-8626	
180 NGUYEN XUAN TAY 531 0751	
181 TRIỆU VĂN TRU (714) 7537-7304	
182 NGUYỄN THỊ TUYẾT (714) 821 9178	
183 + LÊ CHUÔNG (714) 775-5229	
184 CHANH NGUYỄN (714) 534-4014	
185 DUY KHUẤT (714) 847-3126	
186 TRẦN NGUYỄN - NH	
187 DANG THỊ MINH THƯ (714) 858 8501	
188 LÊ NGỌC CƯỜNG 714 775-6729	
189 BÙI VĂN MINH CHAU (714) 532-4386	
190 LÊ VĂN MẠNH	
191 NGUYỄN VĂN DIỆN (714) 540-1483	
192 NGUYỄN PHẠM BÀ DUNG (714) 573 0955	
193 NGUYỄN QUANG MINH (714) 422-1275	
194 BÙI ĐO (714) 638-4826	
195 BÙI VĂN HỮU (714) 541-1665	
196 NGUYỄN TÂY (714) 821 9178	
197 PHẠM BÀ THUYẾT (714) 2298168	
198 BÙI THIÊN DUYỆT (714) 7303132	
199 NGUYỄN VĂN LẬP (714) 7134733	

Sign Name

Print Name

Print Address and Zip Code

Samal

SANG Q. BUI

13122 Jefferson St #4 ^{G. Grove} CA 92644

Canphan

Can phan

3301 W 132nd St Hawthorne ^{CA} 90250

Lu hu

THINH

9362 Debra Ave

Sae

Sae

12521 TROSK AVE ^{Westminster, CA}

Choanh

HOANG LE

12521 TROSK AVE ^{G. Grove}

Le

TRI LE

15326 DOWNEY AVE ⁹²⁶⁴³ CA 90650

Minh

HUU MINH

3930- EL RANCHO - ORANGE ^{CA} 92666

Long Nguyen

LONG HOANG NGUYEN

1111 W TAMERSON SANTA ANA, CA 92704

Tholy

THO LY

10080 McFadden #C CA 92682

Seeeke

801 N LOARA #205 CA 92801

Can phan

PHAM CAN

8423 CORBIN AV. CAN 92640

Thuy

THUY V. TRAN

533 GRAND AVE LA PLATE

LEONG SEN

NG DANH SAO

13795 DAWSON ST G.G

Phu

Pham Coi Phu

14301 STAR SIT ST

Thuy

Pham Thuy Tai

2077 S SPINNAKER 3 ADAMS

Quay

QUI TAN DANG

10682 KNIGHT CA 90680

Quynh

Quynh Dang

466 Stanford IRVINE CA

Nguyen

NGUYEN THE

14041 Newland ST B.A. ⁹²⁷¹⁵

Long

Pham the' Binh

11904 Bellflower bl #D ⁹²⁶⁸² CA 90242

NHIEU-NHIEU

MAU

10862 Lampton Av. CA 92640

BA VAN TRINH

Le

315 S. NEWHOPE ST #255

SANTA ANA CA 92704

Sign Name

Print Name

Print Address and Zip Code

U
Wanghuan Mon

TRAN CHIEU

12841 Calway St # 201
Monterey Park CA 92641

Son

HUON HANG

12557 Shelley Dr # 3
Glendale CA 92640

PHI - VAN SON

3101 WINKLEE AL

Phongmyong
Manh

Duy Quang Phung

Gravelly Grove CA 92640

Nguyen Ha

8422 Garden Grove # 66
CA 92644

Hongduong

DUONG HONG

724 FONDANE # B
CA 92688

Linh

LUU NGUYEN

1572 NANTUCKET WY
MINSTER CA 92683

Chuan

VU THANH DUC

2320 W. WILSHIRE, SANTA ANA
CA 92704

Quang

MAI, MANH TIEN

2613 E 17TH ST Long Beach
CA 90804

Smith

PHAN THAI BINH

200 SOUTH MOORE AVE M-Park
CA 91754

Thuy

SAM PHUON

2675 UNION AVE # 201
CA 90026

Boan

TOAN LE

10260 WOODBURY RD, GG
CA 91602

Quang

TOAN LE

14111 AD RANDELL ST
Westminster CA 92683

Quang

HUONG PHAM

10142 ALDgate - G. GROVE
CA. 92640

Minh

MINH PHAM

Van

Ng^o Hai Khanh

8461 15TH ST # 16 Westminister
CA 92683

Bui

Bui Hoa

2342 4th St BUENA PARK
CA 90621

Thuy

TRAVNGOC MINH

5757 N. MOORE AVE
MONTEREY PARK CA 91754

Bui

Duong van Bui

2880 W BALL RD # J10 ANAHEIM
CA 92804

Quang

Phan Quynh Thanh

6660 Westpark PL # 1
CA 92683

Quang

Nguyen V. Yen

9651 West. G. Grove
CA 92644

Sign Name

Print Name

Print Address and Zip Code

Wanhue

HUYNH-V. BA'VAN

2217W. 156th ST - GARDENA CA 90249

Chuyen

Qui - HUYNH NGUYEN

11852 GARDENGROVE - CA 92643

Tam

NGUYEN BA'VAN

4206W. 168 Lawndale CA 90260

Thuan

NG TRUNG QUAN

12612 Ardmore 1 Gt. CA 92640

Vu Thi Hong

Vu Thi Hong

h h

Nguyen Huu Hao

Nguyen Huu Hao

13892 ARIZONA ST #C - Westm CA 92683

Phong N. Chung

Phong N. Chung

2485 ALDAMO ST #103 CA 92643

Nguyen T. Nghiem

NGUYEN T. NGHIEM

12041 NUTWOOD ST. G. GROVE, CA. 92640

H-17

H-17

14112 SHELLEY ST. 92683.

Thi Minh Tu

Thi Minh Tu

14041 NEWLAND - CA 92683

Ng. Ngoc Thoi

HA DU Y HUE

11291 STANFORD #5 G.G. CA 92766

TRAN HAU

TRAN HAU

2214 W DANNIE PL Santa Ana CA 92706

Vu. Dang. Long

Vu. Dang. Long

10122 Lowell Gt. Santa Ana CA 92703

Uoi. Dinh. King

Uoi. Dinh. King

8115 Compton AV #121 Santa Ana CA 92708

My. Van. Thuan

My. Van. Thuan

14116. FORD ST #1 92662

Nguyen BA HUNG

Nguyen BA HUNG

2802 S. Diamond St SANTA ANA CA 92704

Kim. T. Hung

Kim. T. Hung

2800 W 14th ST #147 CA. 92708

Nguyen. Ha

Nguyen. Ha

7214 FONDREN CA 72668

Dinh. Cong. Phung

Dinh. Cong. Phung

3901 Russell # D G/G CA. 92644

TRAN VAN VINH

TRAN VAN VINH

12881 GARDWAY #104 GARDENGROVE CA. 92641

TRAN CONG LUYEN

TRAN CONG LUYEN

12861 GARDWAY #101 G/G GROVE

HANG. ANG. THAI

HANG. ANG. THAI

2324V Wilshire CA. 92704

Loi. Nguyen

Loi. Nguyen

Santa Ana CA 92704

~~q/m~~

TRẦN VĂN QUÂN

2466 W HARRIET LN CA 9280

ANAL DUCTA

9222 Alwood G. Grove

Jonathan

TRAN THAI LONG

142 E. Rosslyn Ave. Fullerton CA 92631



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953 • Garden Grove • CA 92642 USA • Tel: (714) 775-0727- 775-2153
9912 Bolsa Ave., Westminster CA 92683

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

A PETITION TO THE PRESIDENT FROM EX-PRISONERS OF COMMUNIST CONCENTRATION CAMPS

NAMES

SIGNATURES

NGUYEN Hai Duong (714) 8974087 *[Signature]*

+

**VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION**

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1571239-23701 d Corporation * EIN No. 33-0407933
Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

THE HONORABLE
PRESIDENT OF THE UNITED STATES
Mr. George Bush
THE WHITE HOUSE
Washington, D. C. 20510

November 15, 1991

Dear Mr. President:

On behalf of the former political detainees of communist Vietnam we sincerely request you to direct the authorities at the refugee camps to grant the Refugee Status to the former political detainees who were escaping Vietnam and now staying in the refugee shelters.

As you are already noticed, these refugees were obligated to leave their native country because of their past affiliation with the Allies and the South Vietnamese government. After the release from the detention centers, these people must leave the country because they were afraid of being jailed again in the maladministered communist concentration camps.

At the present time, rumors have been spreaded within the refugee camps that the former political detainees will be categorized as "fleeing the communist Vietnam because of economic reasons" persons. These people will be forced to return to their native country for further prosecution.

Local authorities have started their screening processes and did not consider the danger of returning these people back to their communist enemies. Also, the procedures pertaining to the screening process are very doubtful in selecting and qualifying the appropriate applicants. Confirmations have been made regarding the inadequate categorization of the Refugee Status for former political detainees. A lack of neutral participation of International Humanitarian Organizations has contributed to the self-determination of local authorities in granting the rights of seeking Freedom and Justice to more unqualified people.

Please execute your authority in helping the US Delegation to certify the former political detainees as Refugees during the interviews at the camps.

Please accept our profound gratitude.

Sincerely,

Hau Nguyen
Chairman

cc. UNHCR

Mr. Robert Dornan, Congressman

Mr. Dana Rohrabacher, Congressman

Encl: List of selected applicants



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation * EIN No. 33 0407038

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (i)

LIST FORMER POLITICAL DETAINEES IN PHANAT NIKHOM REFUGEE CAMP, THAILAND

(Out Screening)

Order#.	Name	Serial #.	Rank	Re-Ld. time	PST #.
1	LANG TAN HUE	63/139-992	Captain	6yrs 2 months	179
2	DO VAN HIEP	70/124-708	1st Lieutenant	2yrs 10 mth.	257
3	CHAU QUYEN	69/115-453	1st Lieutenant	5yrs 7 mth.	706
4	LE VAN VAN	58/148-816	1st Lieutenant	2yrs 3 mth.	631
5	LY TAN TAI	60/809-809	1st Lieutenant	1yr	727
6	NGUYEN DUC SANG	64/141-589	1st Lieutenant	2yrs 6 mth.	948
7	HOANG MINH HAO	73/146-665	1st Lieutenant	1yr	275
8	NGUYEN VAN CHIEN	69/153-033	2nd Lieutenant	2yrs	38304
9	TRAN QUY PHUC	70/518-636	2nd Lieutenant	2yrs 3 mth	3578
10	DIEP BUU NGUYEN		Officer Student	1yr 1 mth	701
11	NGUYEN THIEN TAM	58/104-702	1st Sergeant	1yr 6 mth	132
12	PHAM BANG	43/554-103	Sergeant	1yr	207
13	LE VAN PT	157-708	2nd Lieutenant	6yrs	951
14	DUONG THI NGUYET	PHUONG Civil	Servant Re-ed	7day	347
15	HA ANH DUNG	69/142-182	Warrant Officer	3yrs	802
16	PHAM CHI THIEN	45/246-410	2nd Lt.	Escape Re-ed	327
17	LE HONG TAM	738/300-238	2nd Lt.	Escape Re-ed	460
18	NGUYEN KHAC KIEM		1st Lt.	Escape Re-ed	1468
19	PHAN THUAN VINH	73/147-317	2nd Lt.	Escape Re-ed	601
29	NGUYEN NGOC KHUONG	71/134-299	Wrt. Officer	Escape Re-ed	507
30	NGUYEN VAN BA		Officer Student of Police	Escape Re-ed	600
31	NGUYEN VAN MINH	74/160-811	Officer Student	Escape Re-ed	466
32	LA SEP	62/122-570	Mtr. Sergt.	Escape Re-ed	506
33	BUI PHU TOAN	55/600-196	Master Sgt.	Local Re-ed	167
34	TRINH VAN TUY	52/314-428	Master Sgt.	Escape Re-ed	224
35	NGUYEN VAN HIEU	67/822-061	1st Sergt.	Escape Re-ed	510
36	HUYNH ANH DUNG	183-776	1st Sergt.	Escape Re-ed	373
37	TRAN HUU NGHI	68/140-701	1st Sergt.	Escape Re-ed	0714
38	NGUYEN VAN CUOC	58/131-017	1st Sergt.	Escape Re-ed	0397
39	PHONISANAVAKIM TU	72/608-865	1st Sergt.	Escape Re-ed	D330
40	HUA TRAC CUONG	51/498-110	1st Sergt.	Escape Re-ed	0503
41	NGUYEN THI HIEU	68/100-153	1st Sergt.	Escape Re-ed	525
42	HOANG SUONG		Civil Servant	Escape Re-ed	658
43	KIM NHAT NAM	72/600-105	Sergeant	Escape Re-ed	505
44	VU THANH HOAN	69/138-497	Officer Student	Escape Re-ed	681
45	TRAN VAN TAM		Rural Force	Escape Re-ed	266
46	TRAN VAN THANH	68/100-131	Sergeant	Escape Re-ed	3264
47	NGUYEN TAN PHO	75/501-586	Sergeant	Escape Re-ed	476
48	NGUYEN VAN VIEN	71/604-783	Sergeant	Escape Re-ed	282
49	HOANG DU TU	71/601-042	Sergeant	Escape Re-ed	3274
50	LY TRUNG THU	70/600-032	Sergeant	Escape Re-ed	258

VNPDSN.

-2-

Order	Name	Serial #	Rank	Re-Ed	Local	PST
51	LE KHINH	71/604-615	Sergeant	Escape	Re-ed	241
52	NGUYEN VAN THIA	69/120-979	Sergeant	Escape	Re-ed	
53	LAM VAN LOI	71/603-972	Corporal	Escape	Re-ed	490
54	TRINH VAN THAO	70/512-075	Sergeant	Escape	Re-ed	265
55	LE DINH LAM	71/509-230	Sergeant	Escape	Re-ed	383
56	NGUYEN VAN LAM	71/700-678	1st Sgt.	Escape	Re-ed	210
57	NGO VAN THIA	71/126-396	Sergeant	Escape	Re-ed	458
58	HONG VAN HOI	75/112-436	1st class	Escape	Re-ed	3181
59	DO VAN THIA	75/117-539	Sergeant	Escape	Re-ed	917
60	ON NGOC THIA	71/601-168	Corporal	Escape	Re-ed	349
61	HAI LAM	71/700-332	Master Sgt.	Escape	Re-ed	413
62	PHAM VAN HOI	69/162-937	Soldier	Escape	Re-ed	478
63	LE BANG	77/117-297	Soldier	Escape	Re-ed	242
64	NGO DAL	71/170-028	1st Sgt.	Escape	Re-ed	606
65	PHAM VAN THANH	75/116-154	Sergeant	Escape	Re-ed	669
66	PHAM DINH LAP	71/135-563	1st class	Escape	Re-ed	477
67	NGUYEN VAN THANH	Civil Servant		Escape	Re-ed	341
68	TRAN THI THAO	Civil Servant		Escape	Re-ed	338
69	HUYNH DUC HOA	55/755-632	1st class	Escape	Re-ed	901
70	PHO HUU MINH		Soldier	Escape	Re-ed	581
71	LAM QUOC TUYET		Army-Woman	Escape	Re-ed	601
72	NGUYEN VAN NGOI	71/604-278	Corporal	Escape	Re-ed	586
73	DO DINH VAN	77/505-401	Soldier	Escape	Re-ed	1753
74	PHAM NGOC HOI	60/158-259	Sergeant	Escape	Re-ed	245
75	LAI VINH TUONG	76/34128	Soldier	Escape	Re-ed	234
76	DINH QUANG DINH	75/119-176	Sergeant	Escape	Re-ed	180
77	NGUYEN VAN BANG	71/114-009	Corporal	Escape	Re-ed	147
78	NGUYEN VAN LANG	67/196-206	Soldier	Escape	Re-ed	157
79	HO VAN BUI	Civil Servant		Escape	Re-ed	442
80	HUYNH THI NG	Civil Servant		Escape	Re-ed	810
81	CAO VAN GIANG	Civil Servant		Escape	Re-ed	513
82	NGUYEN THANH SON	75/608-120	1st class	Escape	Re-ed	515
83	LE CHAU QUOI	58/165-507	1st Corporal	Escape	Re-ed	83
84	CHAU KIEM SANG	52/578-494	1st class	Escape	Re-ed	85
85	TRAN NOP	53/886-530	Soldier	Escape	Re-ed	1057
86	LAM THI HOANG YEN	Civil Servant		Escape	Re-ed	562
87	HUYNH TU PHUONG	64/600-204	Master Sergt.	Escape	Re-ed	722
88	DUONG QUYEN		Soldier	Escape	Re-ed	86
89	PHAM THAI		Soldier	Escape	Re-ed	90
90	NGUYEN VAN KIEU	70/571-026	Corporal	Escape	Re-ed	560
91	LAM NGOC DAN	45/212-294	1st Sergt.	Escape	Re-ed	108
92	TRINH VAN LAM	62/702-852	Sergeant	Escape	Re-ed	117
93	NGUY THANH CHAU	62/152-679	Sergeant	Escape	Re-ed	107
94	VO NGOC DIEP	72/527-687	Soldier	Escape	Re-ed	726
95	VU THI TUYET	Civil Servant		Escape	Re-ed	120
96	HA ANH DUNG	59/142-182	Warrant Officer			802
97	VO VAN DEN	71/462-479	Corporal	Escape	Re-ed	3394
98	DINH VAN BO	72/601-698	Soldier	Escape	Re-ed	3621
99	PHUNG THI DONG	Civil Servant		Local	Re-ed	300
100	LE HOA PHONG	264-354	Rural Forced	Local	Re-ed	365
101	BUI THI MINH NGUYET	Civil Servant		Local	Re-ed	335
102	NGUYEN VAN LOI	Rural Forced		Local	Re-ed	498

VFPDMA.

-3-

Order #	Serial #	Rank	Re-Ed. Time	PST #
03	VO VAN TUAN	51/307-636	Sergeant	Escape Re-ed: 544
04	TRAN THANH BINH	384-990	Sergeant	Escape Re-ed: 852
05	LI HUU VAN	33/675-782	1st class	Escape Re-ed: 334
06	DOAN PHUC NGUYEN		1st Sergeant	Escape Re-ed: 657
07	NGUYEN DINH HIEU	64/104-075	1st Corporal	Escape Re-ed: 116
08	VO VAN PHI	71/605-226	Corporal	Escape Re-ed:
09	NGUYEN HOANG TUNG	57/960-129	Sergeant	Escape Re-ed: 635
10	PHAN VAN TIEN	362-794	1st Sergeant	Escape Re-ed: 874
11	NGUYEN VAN VO	72A/702-681	Soldier	Escape Re-ed: 801
12	NGUYEN THI DUNG		Sergeant	Escape Re-ed: 958
13	VO THI VAN	Field Administrator Deputy	-1-	919
14	HUYNH VAN KHUE	72/144-345	1st class	Escape Re-ed: 847
15	NGUYEN DINH QUI		Soldier	Escape Re-ed: 738
16	NGUYEN THI HONG HOANG		Civil Servant	Escape Re-ed: 736
17	NGUYEN NGOC HUY	53/867-075	1st class	Escape Re-ed: 3181
18	HO XUAN LOC	71/626-360	Sergeant	Escape Re-ed: 902
19	VO VAN CUONG	76/602-662	1st Corporal	Escape Re-ed: 737
20	TRAN DUC THINH		Soldier	Escape Re-ed: 768
21	TRAN VAN LUONG	70/512-075	Sergeant	Escape Re-ed: 265
22	LE VAN NHIEM	73/509-517	Corporal	Escape Re-ed: 668
23	DANG HUU DANH	60/128-794	1st Sergeant	Escape Re-ed: 704
24	NGUYEN DI CU	74/125-858	Sergeant	Escape Re-ed: 890
25	NGUYEN THI DUNG	59/001-361	1st Corporal	Escape Re-ed: 950
26	CHAU CAM THANH	375-865	Soldier	Escape Re-ed: 973
27	LE NGOC OANH	70/702-537	Corporal	Escape Re-ed: 967
28	TRAN THUAN	51/445-872	1st class	Escape Re-ed: 907
29	DUONG THI NGUYET PHUONG		Civil Servant	Escape Re-ed: 347



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA • TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation • EIN No. 33-0407916

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b)(1) (A) (vi)

LIST of FORMER POLITICAL DETAINEES IN SERIEW REFUGEE CAMP, THAILAND (Out Screening)

Order :	Name	Serial #	Rank	Re-Ed. time	Pol. Case #
1	NGUYEN VAN CHIEU	69/153-033	1st. Lieutenant	2 yrs 5 mth	038
2	NGUYEN DUY HUONG	78/112-987	Soldier	1 yrs	267
3	TRAN DINH TRUNG	71/509-230	Sergeant	2 yrs	380
4	ON NGOC HIEP	71/601-168	1st Corporal	2 yrs	349
5	DO VAN HIEP	70/124-708	1st Lieutenant	3 yrs	257
6	THACH CHAURIVAT	72/511-747	2nd Lieutenant	2 yrs	2470
7	SON PHACH	52/M-00524	Rural Forced	2 yrs 8 mth	2439
8	MAI NHAN	74/517-580	Soldier	2 yrs 7 mth.	3013
9	VO NGOC CHAU	013-714	Policeman	2 yrs	3990
10	LAM TRUNG TINH	DC/107-785	Master Sergeant	5 yrs	5455
11	HA HUU HUNG	73/152-151	Student Officer	5 yrs	5164
12	NGUYEN VAN PHUOC	67/813-208	2nd Lieutenant	4 yrs 3 mth.	5052
13	DANG NGOC AN	65/120-769	1st corporal	1 yrs 2 mth.	5059
14	DANG THAI HUNG	72/165-355	Sergeant	3 yrs 10 mth.	2734
15	NGUYEN TIEN HUNG	75/134-914	Sergeant	1 yrs	1304
16	LE KHINH	72/601-615	Sergeant	6 mth.	241
17	KI SEO		Interpreter	6 mth.	2495
18	THACH SEN	73/509-410	Soldier	3 mth.	2744
19	TRAN VAN THANH	68/100-131	1st Sergeant	35 days	296
20	NGUYEN VAN HOAN	71/114-009	1st Corporal	Local Re-ed.	147
21	HOANG DU TU	71/601-042	Sergeant	Local Re-ed.	269
22	BUI XUAN ANH	DC/400-854	Policewoman	Local Re-ed.	3068
23	PHAM VAN TUOI	73/129-947	1st class	Local Re-ed.	3691
24	LE ANH DUNG	73/600-858	1st class	Local Re-ed.	3865
25	LE VAN TRAC	73/605-242	1st class	Local Re-ed.	3556
26	NGUYEN VAN CAN	68/206-036	2nd Lieutenant	Local Re-ed.	5071
27	TRINH VAN KHAI	75/123-405	Corporal	Local Re-ed.	5055
28	LAM BA TUNG	65/601-027	Master Sergeant	Local Re-ed.	2524
29	SON HUOT	52/104-931	1st class	Local Re-ed.	4879
39	PHAN THANH NGO	60/502-996	Sergeant	Local Re-ed.	4930
40	TRAN PHUOC KINH	74/215-516	Warrant Officer	Local Re-ed.	1381
41	TRUONG HUU SI		Soldier	3 mth. 15 days	5464
42	PHAM VAN DINH	64/159-503	1st Sergeant	Local Re-ed.	1419
43	TRAN VAN LANG	75/128-574	1st class	Local Re-ed.	1389
44	BUI VAN LIEN	62/105-798	1st Sergeant	1 yrs 23 days	3659
45	LE KIM QUI	71/141-211	Warrant Officer	9 mth	3217
46	TANG VAN TAN	76/111-648	Soldier	2 yrs 1 mth	3364
47	HOANG MINH HAO	73/146-665	Warrant Officer	1 yrs 3 mth.	275
48	BUI PHU TOAN	55/600-196	1st Master Sgt.	Local Re-ed.	167
49	TRINH VAN TUY	52/314-428	Master Sergeant	1 mth.	244
50	NGUYEN THIEN TAM	58/104-702	1st Sergeant	Local Re-ed.	132

Reverse....

VNP

2

51 :	DAN	:45/212-294	: Sergeant	: 2 mth	: 108
52 :	QUOI	:58/165-507	: Sergeant	: Local Re-ed.	: 083
53 :	NGUYEN VAN CHON	:64/700-678	: 1st Sergt.	: escape re-ed.	: 210
54 :	PHAM NGOC HOI	:66/602-164	: Master Sergt.	: 1 yrs. 4 mth.	: 245
55 :	NGUYEN THANH CHAI	:62/152-679	: Sergt.	: Local re-ed.	: 107
56 :	NGUYEN VAN HIEU	:67/822-064	: Sergt.	: 2 mth.	: 510
57 :	NGUYEN VAN VIEA	:71/604-783	: Sergt.	: 2 yrs.	: 282
58 :	PHAM BANG	:43/554-103	: Sergt.	: 1 yr. 6 mth.	: 207
59 :	TRAN VAN LUOM	:70/572-012	: Sergt.	: 3 month	: 265
60 :	ON NGOC HIEP	:71/601-168	: Corporal	: Local Re-ed.	: 349
61 :	NGUYEN VAN HOAI	:71/114-009	: Corporal	: Local Re-ed.	: 147
62 :	DO DINH VAN	:77/505-401	: Privat	: Local Re-ed.	: 175
63 :	CHAU KIEN SANH	:52/578-494	: Private	: Local Re-ed.	: 085
64 :	NGUYEN DUY HUONG	:78/112-987	: Private	: Local Re-ed.	: 267
65 :	NGUYEN VAN TANG	:67/196-206	: Private	: Local Re-ed.	: 157
66 :	HONG VAN HOA	:76/112-346	: Private	: Local Re-ed.	: 199
67 :	BUI VAN TRONG	:38/776-391	: Private	: 2 years	: 041
68 :	LAI VI LUONG	:76/134-128	: Private	: Local Re-ed.	: 234
69 :	LE RHINH	:72/604-615	: Sergeant	: 6 months	: 241
70 :	LE BANH	:77/117-297	: Private	: Local Re-ed.	: 242
71 :	PHAM THAI	: forgot	: Private	: 3 months	: 090
72 :	PHUNG TAI	: Forgot	: Policeman	: Local Re-ed.	: 304
73 :	NGUYEN HONG CHUONG	: Official of Supreme Court		: Local Re-ed.	
74 :	TRAN VAN TAM	: popular defence forces		: Local Re-ed.	
75 :	VU THI TUYET	: Employee of NBC.			
76 :	PHUNG THI DONG		: Civ. Servant	: Local Re-ed.	
77 :	NGUYEN VIET TI	:74/160-495	: Warrant Officer	: 6 months	: 3663
78 :	PHAM KIM DUNG	:51/804-038	: Corporal	: 3 months	: 3117
79 :	NGUYEN DUC LAM	:56/867-245	: Private	: Local Re-ed.	: 3982
80 :	NGUYEN NHU SON	:72/135-399	: Private	: 4 years	: 2769
81 :	LE KIM QUI	:71/141-211	: Warrant Officer	: Local Re-ed.	: 3217
82 :	THACH CHANH VAI	:72/511-747	: 2nd. Lt.	: 1 years 6 mths	: 2470
83 :	SON PHACH	:51/80521	: Rural forced	: 2 yrs. 8 months	: 2439
84 :	THACH PHUONG		: Soldiers		: 2493
85 :	PHAM VAN TUOI	:73/129-947	: 1st class	: local Re-ed.	: 3691
86 :	LE VAN NHO	:65/145-401	: 2nd. Lt.	: Escape Re-ed.	: 5097
87 :	NGUYEN VAN DANH	:75/106-609	: 1st Corporal	: Escape Re-ed.	: 5003
88 :	VO THAI AN	:64/701-734	: 1st. Sergeant	: 1 year	: 1306
89 :	NGUYEN VAN DONG	:63/101-395	: Sergeant	: 1 year	: 1422
90 :	TRAN VAN LANG	:75/128-574	: 1st class	: Local Re-ed.	: 1389



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1871239-23701 d Corporation * EIN No. 33-0407500

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

LIST OF FORMER POLITICAL DETAINEES IN PULAU GALANG REFUGEE CAMP, INDONESIA (Out Screening)

Order#.	Name	Serial #.	Rank	Re-ed. Time	Remark
1	: DAO THAI SON	: 66/152-591	: Captain	: 2 yrs. 3 Mths	
2	: TRUONG NGOC BICH	: 74/138-922	: 1st Lt.	: 3 yrs.	
3	: NGUYEN PHI MUNG	: 58/600-209	: Master Sgt.	: Local Re-ed:	
4	: TRAN VAN BEN	: 69/179-219	: 1st Sgt.	: 2 Months.	
5	: NGUYEN VAN UT	: 68/136-639	: 1st Sgt.	: 7 Months	
6	: NGUYEN OANH LIET	: 52/490-157	: 1st Sgt.	: 5 Months	
7	: NAM VINH PHAI	: 65/500197	: 1st Sgt.	: Local Re-ed:	
8	: LY VAN LAI	:	: Police Sgt.	: 3 Months	
9	: TRAN KIM HOANG	: 52/573-906	: Corporal	: Local Re-ed:	
10	: NGUYEN NGOC THU	: 75/600-369	: 1st class	: 2 yrs	
11	: NGUYEN VAN SACH	:	: Police man	: 2 yrs. 5 Mths	
12	: NGUYEN VAN PHAC	: 56/105-195	: Captain	: 3 yrs.	
13	: HOANG VAN TUYEN	: 51/202-430	: Captain	: 1 yr. 3 Mths	
14	: KHUU VAN TUAN	:	: 1st Sgt. of Police	: 2 yrs. 3 mths.	
15	: LE VAN TRUONG	:	: Rural Cadre	: 7 Months	
16	: HOANG QUOC CUONG	:	: 1st class	: 10 months	
	:	:	:	:	



NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION
P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1871239-23701 & Corporation * EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi) *

LIST OF FORMER POLITICAL DETAINEES IN PALAWAN REFUGEE CAMP, PHILIPPINES
(Out Screening)

Order #	Name	Serial #...	Rank	Re-ed. Time	Remark
1	NGUYEN VAN TAM	73/418-593	Grant O*f.	Local Re-ed.	

**VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION**

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1671238-23701 d Corporation * EIN No. 33-0407938

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

THE HONORABLE
PRESIDENT OF THE UNITED STATES
Mr. George Bush
THE WHITE HOUSE
Washington, D. C. 20510

November 15, 1991

Dear Mr. President:

On behalf of the former political detainees of communist Vietnam we sincerely request you to direct the authorities at the refugee camps to grant the Refugee Status to the former political detainees who were escaping Vietnam and now staying in the refugee shelters.

As you are already noticed, these refugees were obligated to leave their native country because of their past affiliation with the Allies and the South Vietnamese government. After the release from the detention centers, these people must leave the country because they were afraid of being jailed again in the maladministered communist concentration camps.

At the present time, rumors have been spreaded within the refugee camps that the former political detainees will be categorized as "fleeing the communist Vietnam because of economic reasons" persons. These people will be forced to return to their native country for further prosecution.

Local authorities have started their screening processes and did not consider the danger of returning these people back to their communist enemies. Also, the procedures pertaining to the screening process are very doubtful in selecting and qualifying the appropriate applicants. Confirmations have been made regarding the inadequate categorization of the Refugee Status for former political detainees. A lack of neutral participation of International Humanitarian Organizations has contributed to the self-determination of local authorities in granting the rights of seeking Freedom and Justice to more unqualified people.

Please execute your authority in helping the US Delegation to certify the former political detainees as Refugees during the interviews at the camps.

Please accept our profound gratitude.

Sincerely,

Hau Nguyen
Chairman

cc. UNHCR

Mr. Robert Dornan, Congressman

Mr. Dana Rohrabacher, Congressman

Mr. Le X. Khoi, Director IRAC,

Encl.: List of rejected applicants



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation * EIN No. 33-0407038

Federal Foundation Status 508 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

LIST FORMER POLITICAL DETAINEES IN PHANAT NIKHOM REFUGEE CAMP, THAILAND (Out Screening)

Order#.	Name	Serial #.	Rank	Re-Ed. time	PST #.
1	LANG TAN HUE	63/139-992	Captain	6yrs 2 month	179
2	DO VAN HIEP	70/124-708	1st Lieutenant	2yrs 10 mth.	257
3	CHAU QUYEN	69/115-453	1st Lieutenant	5yrs 7 mth.	706
4	LE VAN VAN	58/148-816	1st Lieutenant	2yrs 3 mth.	631
5	LY TAN TAI	60/809-809	1st Lieutenant	1yr	727
6	NGUYEN DUC SANG	64/141-589	1st Lieutenant	2yrs 6 mth.	948
7	HOANG MINH HAO	73/146-665	1st Lieutenant	1yr	275
8	NGUYEN VAN CHIEN	69/153-033	2nd Lieutenant	2yrs	383C4
9	TRAN QUY PHUC	70/518-636	2nd Lieutenant	2yrs 3 mth	35/8
10	DIEP HUU NGUYEN		Officer Student	1yr 1 mth	701
11	NGUYEN THIEN TAM	58/104-702	1st Sergeant	1yr 6 mth	132
12	PHAM BANG	43/554-103	Sergeant	1yr	207
13	LE VAN UT	157-708	2nd Lieutenant	6yrs	951
14	DUONG THI NGUYET PHUONG	Civil Servant	Re-ed	7day	347
15	HA ANH DUNG	69/142-182	Warrant Officer	3yrs	802
16	PHAM CHI THIEN	45/246-410	2nd Lt.	Escape Re-ed	327
17	LE HONG TAM	73a/300-238	2nd Lt.	Escape Re-ed	460
18	NGUYEN KHAC KIEM		1st Lt.	Escape Re-ed	1468
19	PHAN THUAN VINH	73/147-317	2nd Lt.	Escape Re-ed	601
29	NGUYEN NGOC KHUONG	71/134-299	Wrt. Officer	Escape Re-ed	507
30	NGUYEN VAN BA		Officer Student of Police	Escape Re-ed	600
31	NGUYEN VAN MINH	74/160-811	Officer Student	Escape Re-ed	466
32	LA SEP	62/122-570	Mtr. Sgt.	Escape Re-ed	506
33	BUI PHU TOAN	55/600-196	Master Sgt.	Local Re-ed.	167
34	TRINH VAN TUY	52/314-428	Master Sgt.	Escape Re-ed	224
35	NGUYEN VAN HIEU	67/822-061	1st Sgt.	Escape Re-ed	510
36	HUYNH ANH DUNG	183-776	1st Sgt.	Escape Re-ed	373
37	TRAN HUU NGHI	68/140-701	1st Sgt.	Escape Re-ed	0714
38	NGUYEN VAN CUOC	58/131-017	1st Sgt.	Escape Re-ed	0397
39	PHONISANAVAKIM TU	72/608-865	1st Sgt.	Escape Re-ed	D330
40	HUA TRAC CUONG	51/498-110	1st Sgt.	Escape Re-ed	0503
41	NGUYEN THI HIEU	68/100-153	1st Sgt.	Escape Re-ed	525
42	HOANG SUONG		Civil Servant	Escape Re-ed	658
43	KIM NHAT NAM	72/600-105	Sergeant	Escape Re-ed	505
44	VU THANH HOAN	69/138-497	Officer Student	Escape Re-ed	681
45	TRAN VAN TAM		Rural Force	Escape Re-ed	266
46	TRAN VAN THANH	68/100-131	Sergeant	Escape Re-ed	3264
47	NGUYEN TAN PHO	75/501-586	Sergeant	Escape Re-ed	476
48	NGUYEN VAN VIEN	71/604-783	Sergeant	Escape Re-ed	282
49	HOANG DU TU	71/601-042	Sergeant	Escape Re-ed	3274
50	LY TRUNG THU	70/600-032	Sergeant	Escape Re-ed	258

Order	Name	Serial #	Rank	Re-Ed. Time	PST#
51	LE KHINH	72/604-615	Sergeant	Escape Re-ed	241
52	NGUYEN VAN THUC	69/120-979	Sergeant	Escape Re-ed	
53	LAM VAN NGO	71/603-972	Corporal	Escape Re-ed	390
54	TRAM VAN LUONG	70/512-075	Sergeant	Escape Re-ed	265
55	TRAN DINH TRUNG	71/509-230	Sergeant	Escape Re-ed	383
56	NGUYEN VAN CUONG	65/700-678	1st Sgt.	Escape Re-ed	210
57	NGO VAN TIEN	76/126-396	Sergeant	Escape Re-ed	458
58	HONG VAN HOA	75/112-436	1st class	Escape Re-ed	3181
59	DO VAN THONG	75/117-539	Sergeant	Escape Re-ed	917
60	ON NGOC DIEP	71/601-168	Corporal	Escape Re-ed	349
61	HANG HAT TRU	69/700-332	Master Sgt.	Escape Re-ed	413
62	PHAM VAN HOP	69/162-937	Soldier	Escape Re-ed	478
63	LE BANH	77/117-297	Soldier	Escape Re-ed	242
64	NGO DAU	170-028	1st Sgt.	Escape Re-ed	606
65	PHAM VAN THANH	74/116-154	Sergeant	Escape Re-ed	669
66	PHAM DINH LAP	71/135-563	1st class	Escape Re-ed	477
67	NGUYEN VAN KHANH	Civil Servant		Escape Re-ed	341
68	TRAN THI THAO	Civil Servant		Escape Re-ed	338
69	HUYNH DUC HOA	55/755-632	1st class	Escape Re-ed	901
70	PHO HUU MINH		Soldier	Escape Re-ed	581
71	LAM QUOC TUYET		Army-Woman	Escape Re-ed	601
72	NGUYEN VAN NUOI	71/604-278	Corporal	Escape Re-ed	586
73	DO DINH VAN	77/505-401	Soldier	Escape Re-ed	1753
74	PHAM NGOC HOP	60/158-259	Sergeant	Escape Re-ed	245
75	LAI VINH LUONG	76/34128	Soldier	Escape Re-ed	234
76	DINH QUANG MINH	75/119-176	Sergeant	Escape Re-ed	180
77	NGUYEN VAN HOAN	71/114-009	Corporal	Escape Re-ed	147
78	NGUYEN VAN TANG	67/196-206	Soldier	Escape Re-ed	157
79	HO VAN BUC	Civil Servant		Escape Re-ed	442
80	HUYNH THI NO	Civil Servant		Escape Re-ed	810
81	CAO VAN GIANG	Civil Servant		Escape Re-ed	513
82	NGUYEN THANH SON	75/608-120	1st class	Escape Re-ed	515
83	LE CHAU QUOI	58/165-507	1st Corporal	Escape Re-ed	83
84	CHAU KIEM SANG	52/578-494	1st class	Escape Re-ed	85
85	TRAN NOP	53/886-530	Soldier	Escape Re-ed	1057
86	LAM THI HOANG YEN	Civil Servant		Escape Re-ed	562
87	HUYNH TU PHUONG	64/600-204	Master Sergt.	Escape Re-ed	722
88	DUONG QUYEN		Soldier	Escape Re-ed	86
89	PHAM THAI		Soldier	Escape Re-ed	90
90	NGUYEN VAN KIEU	70/571-026	Corporal	Escape Re-ed	560
91	LAM NGOC DAN	45/212-294	1st Sergt.	Escape Re-ed	108
92	TRINH VAN TAO	62/702-852	Sergeant	Escape Re-ed	117
93	NGUY THANH CHAU	62/152-679	Sergeant	Escape Re-ed	107
94	VO NGOC DIEP	72/527-687	Soldier	Escape Re-ed	726
95	VU THI TUYET	Civil Servant		Escape Re-ed	120
96	HA ANH DUNG	69/142-182	Warrant Officer		802
97	VO VAN DEN	71/462-479	Corporal	Escape Re-ed	3394
98	DINH VAN BO	72/601-698	Soldier	Escape Re-ed	3621
99	PHUNG THI DONG	Civil Servant		Local Re-ed	300
100	LE HOA PHONG	264-354	Rural Forced	Local Re-ed	365
101	BUI THI MINH NGUYET	Civil Servant		Local Re-ed	335
102	NGUYEN VAN LOI	Rural Forced		Local Re-ed	498

VNPDMA.

-3-

Order#:	Name	Serial #.	Rank	Re-ed. Time	PST #.
03	VO VAN TUAN	51/307-636	Sergeant	Escape Re-ed:	544
04	TRAN THANH BINH	384-990	Sergeant	Escape Re-ed:	852
05	LE HUU VAN	33/675-782	1st class	Escape Re-ed:	334
06	DOAN PHUC NGUYEN		1st Sergeant	Escape Re-ed:	657
07	NGUYEN DINH HIEU	64/104-075	1st Corporal	Escape Re-ed:	116
08	VO VAN PHI	71/605-226	Corporal	Escape Re-ed:	
09	NGUYEN HOANG TUNG	57/960-129	Sergeant	Escape Re-ed:	635
10	PHAN VAN TIEN	362-794	1st Sergeant	Escape Re-ed:	874
11	NGUYEN VAN VO	72a/702-681	Soldier	Escape Re-ed:	801
12	NGUYEN THI DUNG		Sergeant	Escape Re-ed:	958
13	VO THI VAN	Field Administrator Deputy	-1-		919
14	HUYNH VAN KHUE	72/144-345	1st class	Escape Re-ed:	847
15	NGUYEN DINH QUI		Soldier	Escape Re-ed:	738
16	NGUYEN THI HONG HOANG		Civil Servant	Escape Re-ed:	736
17	NGUYEN NGOC HUY	53/867-075	1st class	Escape Re-ed:	3181
18	HO XUAN LOC	71/626-360	Sergeant	Escape Re-ed:	902
19	VO VAN QUONG	76/600-662	1st Corporal	Escape Re-ed:	737
20	TRAN DUC THINH		Soldier	Escape Re-ed:	768
21	TRAN VAN LUONG	70/512-075	Sergeant	Escape Re-ed:	265
22	LE VAN NHIEU	73/509-517	Corporal	Escape Re-ed:	668
23	DANG HUU DANH	60/128-794	1st Sergeant	Escape Re-ed:	704
24	NGUYEN DI CU	74/125-858	Sergeant	Escape Re-ed:	890
25	NGUYEN THI DUNG	59/001-361	1st Corporal	Escape Re-ed:	950
26	CHAU CAM THANH	375-865	Soldier	Escape Re-ed:	973
27	LE NGOC OANH	70/702-537	Corporal	Escape Re-ed:	987
28	TRAN THUAN	51/445-872	1st class	Escape Re-ed:	907
29	DUONG THI NGUYET PHUONG		Civil Servant	Escape Re-ed:	347



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation * EIN No. 33-040793A

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b)(1) (A) (vi)

LIST of FORMER POLITICAL DETAINEES IN SEKIEW REFUGEE CAMP, THAILAND (Out Screening)

Order :	Name	Serial #	Rank	Re-Ed. Time	PST Case
1	NGUYEN VAN CHIEN	69/153-033	1st. Lieutenant	2 yrs 5 mth	038
2	NGUYEN DUY HUONG	78/112-987	Soldier	1 yrs	267
3	TRAN DINH TRUNG	71/509-230	Sergeant	2 yrs	380
4	ON NGOC HIEP	71/601-168	1st Corporal	2 yrs	349
5	DO VAN HIEP	70/124-708	1st Lieutenant	3 yrs	257
6	THACH CHAURIVAL	72/511-747	2nd Lieutenant	2 yrs	2470
7	SON PHACH	52/M-00524	Rural Forced	2 yrs 8 mth	2439
8	MAI NHAN	74/517-580	Soldier	2 yrs 7 mth.	3013
9	VO NGOC CHAU	013-714	Policeman	2 yrs	3990
10	LAM TRUNG TINH	DC/107-785	Master Sergeant	5 yrs	5455
11	HA HUU HUNG	73/152-151	Student Officer	5 yrs	5164
12	NGUYEN VAN PHUOC	67/813-208	2nd Lieutenant	4 yrs 3 mth.	5052
13	DANG NGOC AN	65/120-769	1st corporal	1 yrs 2 mth.	5059
14	DANG THAI HUNG	72/165-355	Sergeant	3 yrs 10 mth.	2734
15	NGUYEN TIEN HUNG	75/134-914	Sergeant	1 yrs	1304
16	LE KHINH	72/601-615	Sergeant	6 mth.	241
17	KI SEO		Interpreter	6 mth.	2495
18	THACH SEN	73/509-410	Soldier	3 mth.	2744
19	TRAN VAN THANH	68/100-131	1st Sergeant	35 days	296
20	NGUYEN VAN HOAN	71/114-009	1st Corporal	Local Re-ed.	147
21	HOANG DU TU	71/601-042	Sergeant	Local Re-ed.	269
22	BUI XUAN ANH	DC/400-854	Policewoman	Local Re-ed.	3068
23	PHAM VAN TUOI	73/129-947	1st class	Local Re-ed.	3691
24	LE ANH DUNG	73/600-858	1st class	Local Re-ed.	3865
25	LE VAN TRAC	73/605-243	1st class	Local Re-ed.	3556
26	NGUYEN VAN CAN	68/206-036	2nd Lieutenant	Local Re-ed.	5071
27	TRINH VAN KHAI	75/123-405	Corporal	Local Re-ed.	5055
28	LAM BA TUNG	65/601-027	Master Sergeant	Local Re-ed.	2524
29	SON HUOT	52/104-931	1st class	Local Re-ed.	4879
30	PHAN THANH NGO	60/502-996	Sergeant	Local Re-ed.	4930
31	TRAN PHUOC KINH	74/215-516	Warrant Officer	Local Re-ed.	1381
32	TRUONG HUU SI		Soldier	3 mth. 15 days	5464
33	PHAM VAN DINH	64/159-503	1st Sergeant	Local Re-ed.	1419
34	TRAN VAN LANG	75/128-574	1st class	Local Re-ed.	1389
35	BUI VAN LIEN	62/105-798	1st Sergeant	1 yrs 23 days	3659
36	LE KIM QUI	71/141-211	Warrant Officer	9 mth	3217
37	TANG VAN TAN	76/111-648	Soldier	2 yrs 1 mth	3364
38	HOANG MINH HAO	73/146-665	Warrant Officer	1 yrs 3 mth.	275
39	BUI PHU TOAN	55/600-196	1st Master Sgt.	Local Re-ed.	167
40	TRINH VAN TUY	52/314-428	Master Sergeant	1 mth.	244
41	NGUYEN THIEN TAM	58/104-702	1st Sergeant	Local Re-ed.	132

Reverse....

PDMA.

51 : LAM NGOC DAN	:45/212-294	: Sergeant	: 2 mth.	: 108
52 : LE CHAU QUOI	:58/165-507	: Sergeant	: Local Re-ed.	: 083
53 : NGUYEN VAN CUONG	:64/700-678	: 1st Sergt.	: escape re-ed.	: 210
54 : PHAM NGOC HOP	:66/602-164	: Master Sergt.	: 1 yrs. 4 mth.	: 245
55 : NGUY THANH CHAU	:62/152-679	: Sergt.	: Local re-ed.	: 107
56 : NGUYEN VAN HIEU	:67/822-064	: Sergt.	: 2 mth.	: 510
57 : NGUYEN VAN VIEN	:71/604-783	: Sergt.	: 2 yrs.	: 282
58 : PHAM BANG	:43/554-103	: Sergt.	: 1 yr. 6 mth.	: 207
59 : TRAN VAN LUOM	:70/572-012	: Sergt.	: 3 month	: 265
60 : ON NGOC HIEP	:71/601-168	: Corporal	: Local Re-ed.	: 349
61 : NGUYEN VAN HOAN	:71/114-009	: Corporal	: Local Re-ed.	: 147
62 : DO DINH VAN	:77/505-401	: Privat	: Local Re-ed.	: 175
63 : CHAU KIEN SANH	:52/578-494	: Private	: Local Re-ed.	: 085
64 : NGUYEN DUY HUONG	:78/112-987	: Private	: Local Re-ed.	: 267
65 : NGUYEN VAN TANG	:67/196-206	: Private	: Local Re-ed.	: 157
66 : HONG VAN HOA	:76/112-346	: Private	: Local Re-ed.	: 199
67 : BUI VAN TRONG	:38/776-391	: Private	: 2 years	: 041
68 : LAI VI LUONG	:76/134-128	: Private	: Local Re-ed.	: 234
69 : LE KHINH	:72/604-615	: Sergeant	: 6 months	: 241
70 : LE BANH	:77/117-297	: Private	: Local Re-ed.	: 242
71 : PHAM THAI	: forgot	: Private	: 3 months	: 090
72 : PHUNG TAI	: Forgot	: Policeman	: Local Re-ed.	: 304
73 : NGUYEN HONG CHUONG	: Official of Supreme Court		: Local Re-ed	
74 : TRAN VAN TAM	: popular defence forces		: Local Re-ed	
75 : VU THI TUYET	: Employee of NBC.			
76 : PHUNG THI DONG	:	: Civ Servant	: Local Re-ed.	
77 : NGUYEN VIET TI	:74/160-495	: Warrant Officer.	: 6 months	: 3663
78 : PHAM KIM DUNG	:51/804-038	: Corporal	: 3 months	: 3117
79 : NGUYEN DUC LAM	:56/867-245	: Private	: Local Re-ed	: 3982
80 : NGUYEN NHU SON	:72/135-399	: Private	: 4 years	: 2769
81 : LE KIM QUY	:71/141-211	: Warrant Officer.	: Local Re-ed	: 3217
82 : THACH CHAUKIVAL	:72/511-747	: 2nd. Lt.	: 1 years 6mths	: 2470
83 : SON PHACH	:52/M00524	: Rural forced	: 2 yrs. 8 months	: 2439
84 : THACH PHUONG	:	: Soldiers	:	: 2493
85 : PHAM VAN TUOI	:73/129-947	: 1st class	: local Re-ed.	: 3691
86 : LE VAN NHO	:65/145-401	: 2nd. Lt.	: Escape Re-ed.	: 5097
87 : NGUYEN VAN DANH	:75/106-609	: 1st Corporal	: Escape Re-ed.	: 5003
88 : VO THAI AN	:64/701-734	: 1st. Sergeant	: 1 year	: 1306
89 : NGUYEN VAN DONG	:63/101-395	: Sergeant	: 1 year	: 1422
90 : TRAN VAN LANG	:75/128-574	: 1st class	: Local Re-ed.	: 1389



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1871239-23701 d Corporation * EIN No. 33-0407301

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

LIST OF FORMER POLITICAL DETAINEES IN PULAU GALANG REFUGEE CAMP, INDONESIA
(Out Screening)

Ordre#.	Name	Serial #.	Rank	Re-ed. Time	Remark
1	: DAO THAI SON	: 66/152-591	: Captain	: 2 yrs. 3 Mths	
2	: TRUONG NGOC BICH	: 74/138-922	: 1st Lt.	: 3 yrs. 7 yrs	
3	: NGUYEN PHI MUNG	: 58/600-209	: Master Sgt.	: Local Re-ed:	
4	: TRAN VAN BEN	: 69/179-219	: 1st Sgt.	: 2 Months	
5	: NGUYEN VAN UT	: 68/136-639	: 1st Sgt.	: 7 Months	
6	: NGUYEN OANH LIET	: 52/490-157	: 1st Sgt.	: 5 Months	
7	: LAM VINH PHAT	: 65/500197	: 1st Sgt.	: Local Re-ed:	
8	: LY VAN LAI	:	: Police Sgt.	: 3 Months	
9	: TRAN KIM HOANG	: 52/573-906	: Corporal	: Local Re-ed:	
10	: NGUYEN NGOC THU	: 75/600-369	: 1st class	: 2 yrs	
11	: NGUYEN VAN SACH	:	: Police man	: 2 yrs. 5 Mths	
12	: NGUYEN VAN KHAC	: 56/105-195	: Captain	: 3 yrs.	
13	: HOANG VAN TUYEN	: 51/202-430	: Captain	: 1 yr. 3 Mths	
14	: KHUU VAN TUAN	:	: 1st Sgt. of Police	: 2 yrs. 3 mths.	
15	: LE VAN TRUONG	:	: Rural Cadre	: 7 Months	
16	: HOANG QUOC CUONG	:	: 1st class	: 10 months	
	:	:	:	:	



VIET NAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281, 554-1934

5513 SILVER DR. SANTA ANA, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1871239-23701 d Corporation * EIN No. 33-0407938

Federal Foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

LIST OF FORMER POLITICAL DETAINEES IN PALAWAN REFUGEE CAMP, PHILIPPINES (Out Screening)

Order # :	Name	: Serial #.. :	Rank	: Re-ed.Time	: Remar
1	: NGUYEN VAN TAM	: 73/418-593	: Warrant Off.:	: Local Re-ed.	:
:	:	:	:	:	:
:	:	:	:	:	:

VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

Cordially invites you to attend our

TET PARTY

On The Occasion of The Vietnamese

Lunar Newyear

on Sunday, February 12 th, 1995

at 10:30 AM

at The Auditorium of U.F.C.W.

Local 324 AFL-CIO # 8550

Stanton Avenue.

Buena Park, CA 90622

R.S.V.P. Tel: (714) 775-0727 | 775-2437

Thiệp Mời

Hội Tương Trợ Tù Nhân Chính Trị Việt Nam

Trân trọng kính mời

Ông/BàKUC MINH THO.....

*Tôi tham dự Ngày Tân Xuân Hội Ngộ Ất Hợi
Kỷ V.*

Tổ chức tại:

*Local 324, Hội Trường Liên Hiệp Thực Phẩm và
Thương Mại thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Công Hoa Kỳ.*

*Số 5550 Stanton Avenue, Buena Park, CA 90622
vào lúc 10:30 AM. Ngày Chủ Nhật; 12 tháng 2, 1995.*

*Sự hiện diện của quý vị là thể hiện lòng ưu ái đối với Đại
Gia Đình Cựu TNCJ/VN và còn là niềm khích lệ lớn lao
cho Ban tổ Chức.*

Kính Mời

T.M. Ban Tổ Chức

Dương Đình Thụy, Trưởng Ban

**Xin phúc đáp trước 31-1-1995 và đem theo thiệp mời.
ĐT: (714) 775-0827 / 24-37**



HỘI TƯƠNG TRỢ TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

9912 Bolsa Avenue, Westminster CA 92683

Phone: (714) 775-0727

Fax: (714) 893.2202

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation - EIN No. 33-0407938
Federal Foundation Status 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

Little Saigon Ngay 3-12-96

Cố Chủ tịch Sáng Lập
Nguyễn Hậu
Chủ tịch
Tôn Thất Diên
Phó Chủ tịch Nội vụ
Nguyễn Duy Nghệ
Phó Chủ tịch Ngoại vụ
Lê Minh Trí
Phó Chủ tịch Xã Hội
Nguyễn Thái
Phó Chủ tịch Văn Hóa
Nguyễn Thị Hạnh Nhơn
Thủ Quỹ
Nguyễn Văn Chúc
Thư ký
Nguyễn Thế Đình

Kính Gửi: Bà Khúc Minh Thổ
Chủ tịch
Hội Gia Đình Tử Nhân Chính Trị
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

Thưa Bà Chủ tịch,

Chúng tôi đã nhận được các tài liệu hướng dẫn
cho các gia đình tử nhân chính trị ở con trên
21 tuổi còn kẹt lại tại Việt Nam.
Nhờ vào sự hướng dẫn của quý Hội và các mẫu đơn
do Bà chuyển đến, Các gia đình tử nhân chính trị
đã kịp thời gửi đơn cho cơ quan ODP tại BANGKOK.
Xin Bà nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành
của các gia đình nói trên.

Kính chúc Bà Chủ tịch và Hội Gia Đình TNCT một
mùa Giáng Sinh AN BÌNH và HẠNH PHÚC.

Tran trọng kính chào Bà.

Chau Nguyen

Nguyen Thai
Pho Chu Tich X.H.



HỘI TƯỚNG THỦY

VIETNAM POLITICAL DETENTION CENTER

9912 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683

Phone: (714) 775-0727

Fax: (714) 775-0727

A California Non-Profit Corporation 1571239-23701 d Corporation - EIN No. 33-0407432
Federal Foundation Status: 509 (A) (1) and 170 (B) (1) (A) (VI)

Little Saigon Ngay 3-12-96

Chủ tịch Sáng lập

Nguyễn Hậu

Chủ tịch

Tôn Thất Diên

Phó Chủ tịch Nội vụ

Nguyễn Duy Nghệ

Phó Chủ tịch Ngoại vụ

Lê Minh Trí

Phó Chủ tịch Xã hội

Nguyễn Thái

Phó Chủ tịch Văn hóa

Nguyễn Thị Hạnh Nhân

Thư ký

Nguyễn Văn Châu

Thư ký

Nguyễn Thế Đình

Kính Gửi: Bà Khúc Minh Thảo

Chủ tịch

Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Thưa Bà Chủ tịch,

Chúng tôi đã nhận được các tài liệu hướng dẫn cho các gia đình tù nhân chính trị có con trên 21 tuổi còn kẹt lại tại Việt Nam.

Nhờ vào sự hướng dẫn của quý Hội và các mẫu đơn do Bà chuyển đến, Các gia đình tù nhân chính trị đã kịp thời gửi đơn cho cơ quan ODP tại BANGKOK.

Xin Bà nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của các gia đình nói trên.

Kính chúc Bà Chủ tịch và Hội Gia Đình TNCT một mùa Giáng Sinh AN BÌNH và HẠNH PHÚC.

Trân trọng kính chào Bà.

Nguyễn Thái

Nguyễn Thái

Pho Chu Tịch X.H.



VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 894-4136
13612 Yockey St., Garden Grove, CA. 92644

A California Non-Profit Corporation 1871239-23701 d Corporation * EIN No 33-0407938
Federal foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

I. MỤC ĐÍCH :

- A. Vận động các chính phủ áp lực đối với nhà cầm quyền độc-tài chuyên chính Hanoi đòi trả lại nhân-quyền và dân-quyền cho nhân dân Việt-nam- đồng thời trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị - bao gồm Tôn-giáo, Đảng-phái chính trị, nhân viên hành chánh và Quân-dội của Việt Nam Cộng Hoà, các nhà trí thức và nhân viên đã cộng tác với Quân-dội của Thế-giới tự-do trước 1975 hiện đang còn giam giữ trong các trại Tập-trung khổ-sai.
- B. Với tinh cách nhân đạo, giúp đỡ các gia-dinh ly tán bởi chiến tranh, các tù nhân chính trị đã trốn thoát ách độc-tài chuyên chính đến được các trại Ty-nạn Đông-Nam-Á, Đặc biệt là tất cả tù nhân chính trị & gia-dinh còn ở tại Việt-nam không có thân nhân và bạn hữu tại Hoa-kỳ ; hướng dẫn lập hồ-sơ, hoàn chỉnh hồ-sơ bảo-lãnh.
- C. Tiếp-dón, lập-thủ-tục định cư, ổn-dịnh cuộc sống về tinh thần và vật chất.

II. CÔNG TÁC : Nguyên Tắc Điều-Hành ;

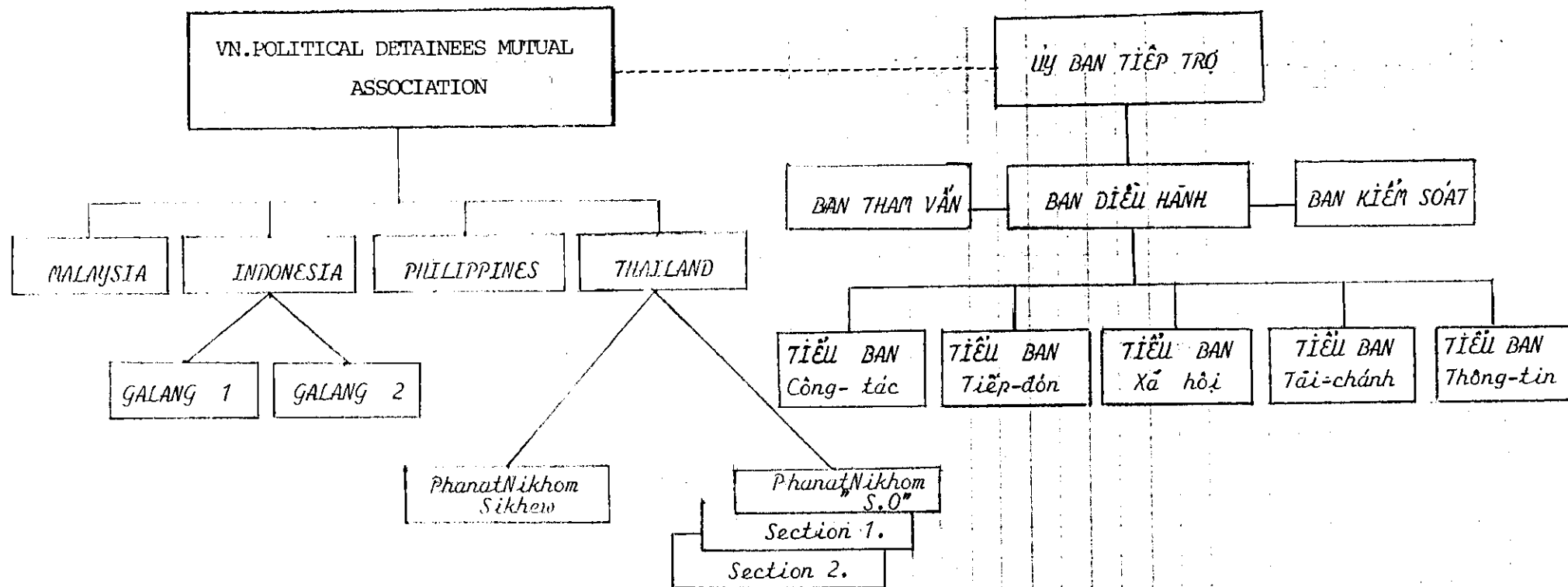
- A. Tiếp nhận hồ-sơ tù nhân chính trị từ Việt-nam; các trại Ty-nạn Đông-Nam-Á; các thân nhân tù nhân chính trị đang định-cư tại các nước tự-do gửi đến.
- B. Thiết lập, hoàn chỉnh hồ-sơ, xếp loại và chuyển đến các cơ quan Thiện-nguyên Hoa-kỳ ; đồng thời thông báo cho các gia-dinh tù nhân chính trị tại Việt-nam.
- C. Trường hợp được chấp thuận từ cách ty nạn chính trị do các cơ quan thiện nguyện thông báo ; Tiếp đón về nơi tạm-trú :
 - Đưa đến các cơ quan Thiện-nguyên lập thủ tục trợ giúp ban đầu.
 - Đưa đến cơ quan y-tế tái khám sức khỏe.
 - Đưa đến lập thẻ an-sinh xã-hội, thẻ căn-cước (ID.).
 - Tuỳ từng trường hợp đưa đến Cơ-quan Xã-hội làm thủ tục xin trợ-cập tuỳ theo từng hoàn cảnh cá nhân hoặc gia-dinh.
 - Hướng dẫn và khuyến khích để sớm hội nhập vào xã-hội mới.
 - Lập thủ tục ghi tên vào các Trường-trung- Tiểu học v.v..
 - Hướng dẫn và khuyến-khích ghi tên học các nghệ chuyên môn tuỳ theo khả năng mỗi người để có thể kiếm một việc làm thích hợp.
 - An ủi, giúp đỡ cá nhân hoặc gia-dinh gặp khó khăn.

(Dính kèm Sơ Đồ Tổ Chức)

Công Tác đã thực hiện : Tính đến ngày 05 tháng 5, 1991,

1. Hoàn tất hồ-sơ Bảo-trợ TNCT & Gia đình tại Việt-nam : 286 gia-dinh # 1,555 ng.
 - Số người đã định-cư các Tiểu-bang : 81 người (nhận được thông báo)
 - Số người định cư tại Nam Cali. : 46 người (đã ổn định cư trú, thủ tục hành chánh, học văn..)
 - Số gia-dinh sẽ đến vào tháng 6, 7-91 : 16 gia-dinh # 87 người.
2. Hồ-sơ bảo trợ các trại Ty-nạn Đông Nam Á :
 - Thailand # 688 người, Indonesia # 425. người, Philippines # 651. người,
 - Malaysia # 181 người. Hongkong # 10 người.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





VIETNAM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

P.O. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281
5513 Silver Dr. Santa Ana, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1871239-23701 d Corporation * EIN No 33-0407938
Federal foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (vi)

I. OBJECTIVES :

- A. Requesting governments to pressure totalitarian authorities in Hanoi into restoring human and civil rights in Vietnam, releasing all political prisoners still detained in hard labor reeducation centers, including religious followers, political partisans, former officials and soldiers of the Republic of Vietnam, intellectuals, and cooperators with the Free World armed forces before 1975.
- B. Providing humanitarian assistance to families separated by the war, former political prisoners now waiting hopelessly in Southeast Asian refugee camps, especially those still in Vietnam and their families who need sponsors in the United States for their resettlement, in regards to establishing and completing sponsorship paperworks.
- C. Receiving, helping in resettlement procedures and living adjustment, both mentally and physically .

II. OPERATIONS :

- A. Processing paperworks received from political prisoners in Vietnam, and in the refugee camps, and from their families in other free countries .
- B. Submitting completed paperworks to U.S.voluntary agencies and informing interested parties in Vietnam of this operation.
- C. Upon notification by voluntary agencies, receiving new arrivals at airports and transporting them to temporary residence provided ; feeding ; helping in their initial resettlement procedures with voluntary, health, social security, and welfare agencies ; assisting in and encouraging their fast adjustment to the new environment ; helping send their children back to school ; advising them on technical and professional training, and jobs; giving consolation and practical assistance to families with special problems.

III. WORKS COMPLETED : *Update May 05, 1991*

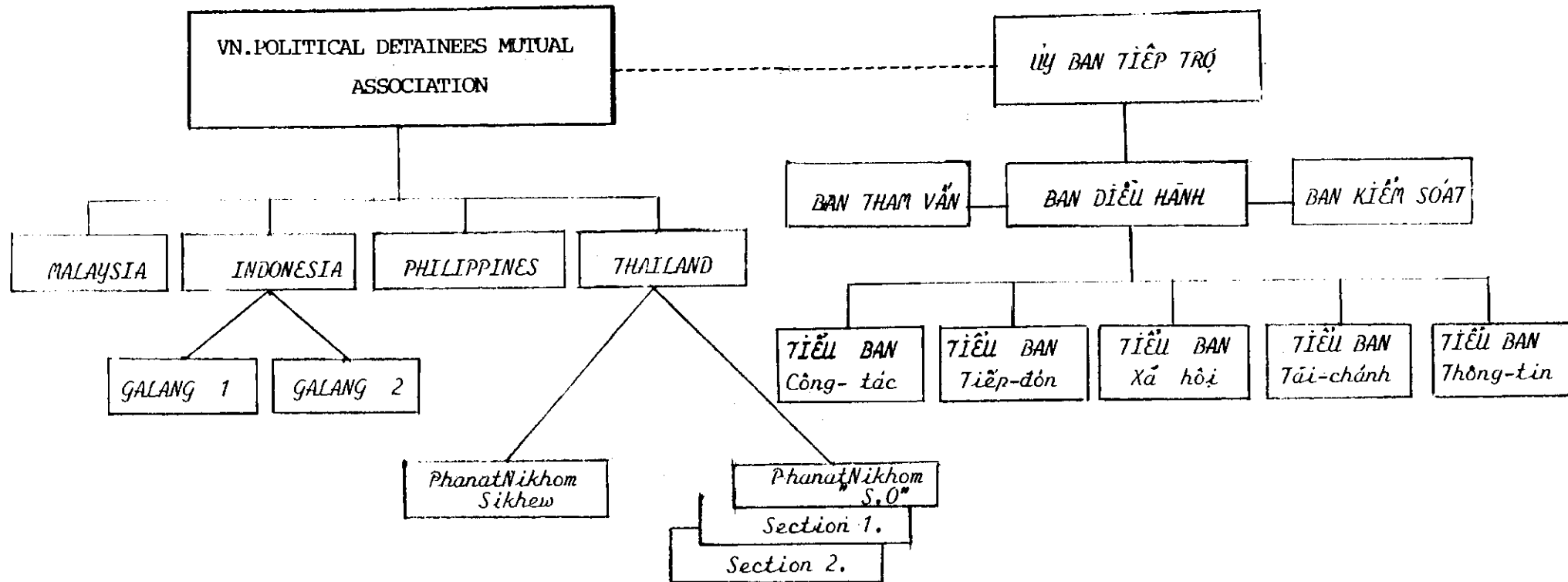
- A. Sponsorship for 286 families of 1,555 people in Vietnam ; and SEA refugee camps in ;
 - THAILAND : 688 former political detainees.
 - INDONESIA : 425 former political detainees.
 - Philippines : 651 former political detainees.
 - MALAYSIA : 181 former political detainees.
 - HONGKONG : 10 Former political prisoners.
- B. Resettlement for 86 people in other states and 46 people in Southern California.
- C. Readiness for 16 families of 87 people to come in June and July, 1991.

RECEPTION & ASSISTANCE COMMITTEE

-Advisory Board, -Control Board, -Executive Committee.

*Operations Section, *Reception Section, *Social Section, *Finance Section,
*Information Section.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Kimh
Nhìn Chữ Cho
phần biên báo
viết ngữ tại đây
nam 1991

AM POLITICAL DETAINEES MUTUAL ASSOCIATION

1. Box 1953, Garden Grove, CA. 92642 USA * TEL: (714) 554-3281
5513 Silver Dr. Santa Ana, CA. 92703

A California Non-Profit Corporation 1671239-23701 d Corporation * EIN No 33-0407938
Federal foundation Status 509 (a) (1) and 170 (b) (1) (A) (v)

BẢN TIN

Tháng 5-1991

Thông Tin / B. Cho

của

ỦY BAN TIẾP NHẬN

Ngày 18 tháng 5 năm 1991, Tiến sỹ Funseth phu-tá Thứ-trưởng Bộ ngoại-giao Hoa-kỳ đã đến Trung-tâm ty nạn World Vision, Miền Nam California, do Mục sư Ng. xuân Đức tổ chức tại Hội-trưởng Hội Thánh Chúa Cứu Thế:

Lúc 10 giờ sáng cùng ngày Tiến sỹ Funseth đã nói chuyện và tiếp xúc trên 50 cử tọa đa số là quý vị Mục-sư từ khắp các Tiểu-bang Hoa-kỳ về tham dự, trong dịp này các chiến hữu Nguyễn Hậu, Lê chí Tín đại diện Ủy ban Tiếp Nhận được mời tham dự, sau phần trình bày của Tiến-sĩ Funseth, Ban tổ-chức đã dành thời gian cho chiến hữu Nguyễn Hậu lên tường trình tổng quát về công tác bảo lãnh và yểm trợ cho những tù nhân chính trị & gia đình tại Việt Nam Không có thân nhân ở Hoa-kỳ.

Đến 02 giờ chiều, Tiến sỹ Funseth đã đến nhà Tiếp-cử do Ủy ban Tiếp Nhận thực hiện, đã có khoảng gần 100 TNCT & gia đình tiếp đón. Trước khi nói chuyện Tiến sỹ Funseth đã dịch thân vào nhà tạm cư thăm hỏi 3 gia đình hiện đang tạm trú là các anh Trần ngọc Chinh, Hồ đình Hào và Nguyễn Văn Ly; Sau đó Tiến sỹ Funseth đã nói chuyện với TNCT & gia đình, và Ban Tham-Mưu của Ủy ban Tiếp nhận Tù nhân chính trị tại số 5513 Silver Dr. Santa Ana, Điện Thoại (714)554-3281.

Trong buổi nói chuyện có 3 vấn đề được cử tọa đặt ra:

1) Những TNCT hiện đang còn bị cầm tù tại các trại tập-trung khổ sai của nhà cầm quyền Hanoi.

2) Những TNCT đã vượt thoát đến các trại ty-nạn Đông Nam-A, một số đã bị loại sau các kỹ thanh lọc và xếp theo diện ty nạn kinh-tế để cưỡng bức trở về Việt Nam.

3) Những TNCT & gia đình đã có đơn xin di định cư hiện còn tại VN. xin sớm được xử xét.

Tiến sỹ Funseth đã trả lời từng điểm một như sau:

1.- Lập danh sách chính xác tại các trại tập trung/VN. gửi về Bộ Ngoại-giao để sớm can thiệp.

2.- Những TNCT. đã bị rớt thanh lọc (screening) tại các trại ty-nạn Đông Nam-A, ông cũng yêu cầu lập danh sách gấp và còn nhấn mạnh rằng những TNCT này không thể trở về Việt Nam - mà Hoa-kỳ sẵn sàng đón nhận họ.

3.- Hiện nay phái đoàn Hoa-kỳ đang phỏng vấn tù nhân chính trị tại Việt Nam mỗi tháng 1,000 người- cũng cần nhắc lại Ủy-ban vừa nhận được Thư của Phó Tổng-Thống Dan Quayle đề-ngày 19-4-91 là từ nay đến cuối tháng 9/91, Hoa kỳ sẽ nhận trên 9,000 tù nhân chính trị và gia đình đến định cư tại Hoa-kỳ.

Buổi nói chuyện và trả lời các câu hỏi của Tiến sỹ Funseth đã chấm dứt lúc 03 giờ 15 phút chiều. Kế đó ông yêu cầu 3 gia đình TNCT đang ~~tạm~~ trú tại nhà Tiếp nhận và Ban Tham-mưu của Ủy ban Tiếp-nhận cũng ông chụp hình lưu niệm. Tiến-sỹ Funseth đã ra về lúc 03 giờ 50 chiều.

Đến 8 giờ tối, các chiến hữu Nguyễn Hậu, Lê Tín, Dương Thu và Võ Quy đã được ban tổ-chức của Mục-sư Nguyễn Xuân Đức mời tham dự buổi nói chuyện cuối cùng cuộc viếng thăm của Tiến sỹ Funseth với Đồng-bào, các gia đình di theo diện con Lai, đặc biệt tù nhân chính trị mới đến, cũng tại Hội trưởng Hội Thánh Chúa Cứu Thế.

Các vị Mục sư đã lần lượt lên tường thuật quang đời từ-tội dưới chế độ Hanoi, đặc biệt là Mục sư Dương Kỳ đã chịu đựng trên 13 năm trong các trại tập-trung Miền Bắc và Miền Nam/VN. - Mục sư Nguyễn Xuân Đức đã nhiều lần lên diễn đàn ca ngợi việc làm nhân đạo của Ủy Ban Tiếp-tụ nhân chính trị và gia đình, trước cư tọa, ông kêu gọi Đồng bào Việt Nam tiếp tay trợ-giúp cho Ủy Ban Tiếp Nhận thực hiện được nhiều ngôi nhà tạm cư cho việc làm đầy tình thương ruột thịt này.

Sau đó chiến hữu Nguyễn Hậu được mời lên nói chuyện và tường trình cùng Đồng-bào về diễn tiến việc làm mà Hội cùng Ủy-Ban đã thực hiện trên 2 năm qua (dính kèm Bản Tường-trình và Mục-tiêu công tác...). Sau hết là phần tham-thiệp trà, quý vị Mục sư gặp các chiến hữu Đại-diện Ủy-ban và hứa khi trở về địa phương sẽ vận động đồng hương yểm trợ việc làm "PHẢI" này của Ủy-ban. Cuộc thăm viếng của ông Phụ tá Thủ-trưởng Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ chấm dứt lúc 23 giờ và ông sẽ lên đường trở về Hoa-Thịnh-Đốn chiều ngày 19 tháng 5 năm 1991.

_____/_____